

Bản án số: 41/2022/HS-PT
Ngày: 17/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

Các Thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng;
ông Nguyễn Hoàng Thám.

Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 73/2022/TLPT-HS ngày 10/3/2022 đối với bị cáo Lê Thị P do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị P, sinh năm 1966; nơi sinh: TC, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (chỗ ở hiện nay): tổ 10, Ấp 5, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (chết) và bà Văn Thị C1 (chết); chồng tên Nguyễn Văn C2, sinh năm 1966; có 01 (một) con sinh năm 2000.

Tiền án: không.

Tiền sự: ngày 07/7/2021, bị Công an thị xã TC, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 5.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm” là thuốc lá điều nhập lậu và đã chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn P1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước, nên ngày 07/8/2021 bị cáo Lê Thị P dùng xe mô tô biển số 67X1-6834 đến khu vực vành đai biên giới thuộc khu vực Ấp 5, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang gặp người tên X (người Campuchia) để mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lại lấy lời. Sau khi thỏa thuận bị cáo Lê Thị P đồng ý mua 150 (một trăm năm mươi) bao (gói) thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO với giá 14.000 đồng/gói, tổng số tiền 2.100.000 đồng, sau khi mua xong P vận chuyển về cất giấu tại nhà.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2021 bị cáo Lê Thị P tiếp tục dùng xe mô tô trên đến khu vực vành đai biên giới thuộc Ấp 5, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang gặp người tên X (là người Campuchia) để mua 250 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu Nelson với giá 13.000 đồng/gói, tổng số tiền thanh toán 3.250.000 đồng. Sau khi mua xong, bị cáo P vận chuyển nhiều lần về cất giấu tại nhà của bị cáo P. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn P1 (P1 là em ruột của bị cáo P) đến nhà bị cáo P mua 150 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO, sau khi thỏa thuận bị cáo P đồng ý bán 150 gói thuốc lá hiệu HERO cho Lê Văn P1 với giá 17.300 đồng/gói, P1 đã thanh toán cho bị cáo P số tiền 2.595.000 đồng, bị cáo P lời được 495.000 đồng. Khi P1 vừa nhận thuốc lá và thanh toán tiền xong thì lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện thu giữ trong nhà của Lê Thị P có 250 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu Nelson và thu giữ trên tay của P1 150 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO, ngoài ra còn thu giữ trên xe mô tô biển số 67N7-4901 của P1 50 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu BAYON.

Ngày 07/7/2021, bị cáo Lê Thị P bị Công an thị xã TC, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 5.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm” là thuốc lá điều nhập lậu và đã chấp hành xong.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã TC đã tạm giữ những đồ vật liên quan đến vụ án gồm:

- 450 (bốn năm mươi) bao thuốc lá điều nhập lậu, trong đó 250 bao hiệu Nelson, 150 bao hiệu HERO, 50 bao hiệu BAYON;
- 01 (một) xe mô tô biển số 67X1-6834 (đã qua sử dụng);
- 01 (một) xe mô tô biển số 67N1-4901 (đã qua sử dụng).

Cáo trạng số 90/CT-VKSTC ngày 15/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đã truy tố bị cáo Lê Thị P về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lê Thị P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

Xử phạt bị cáo Lê Thị P 01 (một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/02/2022, bị cáo Lê Thị P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thừa nhận ngày 07/8/2021 và ngày 09/8/2021 bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 67X1-6834 đến khu vực vành đai biên giới thuộc khu vực Ấp 5, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang gặp người tên X (người Campuchia không rõ họ, địa chỉ) để mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lại lấy lời. Trong hai ngày bị cáo mua tổng cộng 150 gói thuốc lá hiệu HERO, 250 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu Nelson. Sau khi mua xong bị cáo vận chuyển về cất giấu tại nhà của bị cáo. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/8/2021 Lê Văn P1 đến nhà và bị cáo bán cho P1 150 gói thuốc lá hiệu HERO, sau khi giao nhận tiền xong thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ toàn bộ số thuốc lá điều mà bị cáo đã mua. Trước đó ngày 07/7/2021 bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Đơn kháng cáo của bị cáo P gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự và có áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo P 01 năm tù là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, căn cứ vào các chứng cứ bị cáo cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, chồng bị cáo bị bệnh được lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng, nên việc bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo P, sửa án sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P mức án 01 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã VX, huyện TC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tranh luận: bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị cáo Lê Thị P kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: ông Lê Văn P1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, ông P1 đã có lời khai rõ tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt của ông cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông P1.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: bị cáo Lê Thị P đã bị xử phạt hành chính về hành vi buôn bán hàng cấm, chưa được xóa tiền sự, ngày 07/8/2021 và ngày 09/8/2021 bị cáo Lê Thị P tiếp tục buôn bán 400 bao thuốc lá điều nhập lậu. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế và chế độ quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, gây tác động xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã căn cứ vào mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, thuộc thành phần lao động nghèo để xét xử bị cáo mức án 01 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo:

Như đã nhận định ở trên, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 01 năm tù là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp đơn xin cứu xét có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo tên Nguyễn Văn C2 bị bệnh không còn khả năng lao động, được lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng, nếu bị cáo đi chấp hành án thì không ai chăm sóc. Để tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài tự cải tạo, lao động để chăm sóc gia đình, căn cứ vào Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã VX, huyện TC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 292, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị P về việc yêu cầu được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Thị P 01 (một) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17/5/2022).

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Thị P không phải chịu.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND thị xã TC (2);
- Công an thị xã TC (1);
- Chi cục THADS thị xã TC (1);
- Bị cáo (1);
- Sở Tư pháp (1);
- UBND xã VX (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng